

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NL
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 3 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đăng Thanh

Ông Phạm Đ Hoàn

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H; sinh năm: 1989; nơi cư trú: Thôn TT, xã LS, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T; sinh năm: 1977; nơi cư trú: Thôn TT, xã LS, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị H, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh T kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 12/01/2009 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã LS, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, anh T còn ham chơi bài bạc, không quan tâm đến vợ con. Chị đã tha thứ, khuyên giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vợ chồng chị

đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **T**.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh **Đ**, sinh ngày 23/10/2009 và cháu Nguyễn Minh **N**, sinh ngày 06/01/2012. Hiện hai cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị **H** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Thanh **T** trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng vẫn hoà thuận, hạnh phúc. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân, cả hai vợ chồng đều có những lỗi lầm với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nhưng anh xét thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm, anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh **Đ**, sinh ngày 23/10/2009 và cháu Nguyễn Minh **N**, sinh ngày 06/01/2012. Hiện hai cháu đang ở với chị **H**. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Đ**, giao cháu **N** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên toà, anh thay đổi quan điểm, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu chị **H** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh **T** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **H**, anh **T** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Phạm Thị **H** được ly hôn anh Nguyễn Thanh **T**. Giao cháu Nguyễn Minh **Đ**, sinh ngày 23/10/2009 và cháu Nguyễn Minh **N**, sinh ngày 06/01/2012 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự: Chị **H** và anh **T** thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về phần hôn nhân và con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị **H** và anh Nguyễn Thanh **T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2009 tại UBND xã **LS**, huyện **NL**,

tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, vấn đề này cũng đã được UBND xã **LS** xác nhận. Anh **T** cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ chị **H**, anh **T** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị **H** được ly hôn anh **T**.

[2] Về con cái: Chị **H** và anh **T** có 02 con chung. Chị **H** và anh **T** đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Nguyên vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Xét thấy, trong thời gian vợ chồng sống ly thân và hiện tại hai cháu đang ở với chị **H**, các cháu vẫn được chị **H** chăm sóc đầy đủ. Các cháu có nguyện vọng, tha thiết muốn được ở với mẹ và sống cùng nhau khi bố mẹ ly hôn. Anh **T** đang phải đi làm xa, chị **H** thì có công việc và thu nhập ổn định, làm việc gần nhà, có thời gian gần gũi, quan tâm, chăm sóc các cháu hơn anh **T**. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị **H**, giao cả hai cháu cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị **H**, anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản: Chị **H**, anh **T** không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị **H** được ly hôn anh Nguyễn Thanh **T**.

2. Về con cái: Giao cháu Nguyễn Minh **D**, sinh ngày 23/10/2009 và cháu Nguyễn Minh **N**, sinh ngày 06/01/2012 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **T** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị **H** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **NL**, theo biên lai số AA/2019/0011609 ngày 26/10/2020. Chị **H** đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị **H**, anh **T**. Chị **H**, anh **T** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã **LS**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Bùi Đăng Thanh

Phạm Đ Hoàn

Nguyễn Thanh Tân

